TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 11 - 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1986.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị S có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 28/6/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị S trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15/02/2019 chị đăng ký kết hôn với Phạm Văn T tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng bố mẹ anh T ở thôn T, xã V. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị đã không hạnh phúc mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị là do trước khi kết hôn vợ chồng tìm hiểu không kỹ nên khi về chung sống thì bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy, chỉ sau gần 01 tháng chung sống chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã V, huyện N sinh sống. Từ đo vợ chồng chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị S xác định vợ chồng chị không có con chung, bản thân chị S hiện nay cũng không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn T: Mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án về việc chị Trịnh Thị S xin ly hôn với anh, nhưng anh T vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia đầy đủ các buổi hòa giải. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần 2 không có lí do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ: Các điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trịnh Thị S. Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị S với anh Phạm Văn T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, y kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã V, huyện N thì thời điểm chị Trịnh Thị S xin ly hôn với anh Phạm Văn T, anh T vẫn sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã V, huyện N. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2019 của bố đẻ anh T là ông Phạm Văn P, ông P cũng xác định hiện anh T đang sinh sống cùng vợ chồng ông. Nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh T theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N anh T đã trực tiếp nhận. Ngoài ra, bố đẻ anh T là ông Phạm Văn P cũng trực tiếp nhận thay anh T và thông báo cho anh T. Do vậy, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa anh T vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trịnh Thị S và anh Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/02/2019 nên hôn nhân giữa chị S và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị S, anh T đã không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị S, anh T là do trước khi kết hôn vợ chồng tìm hiểu không kỹ nên khi về sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do đó chỉ sau gần 01 tháng chung sống chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã V, huyện N sinh sống. Kể từ đó vợ chồng chị S, anh T chính thức sống ly

thân không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Chị S xác định chị và anh T chưa có con chung, bản thân chị S hiện không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị S xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị S và anh Phạm Văn T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000198 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*